

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Bia và Nước Giải Khát Hạ Long**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Bia và Nước Giải Khát Hạ Long được lập ngày 27 tháng 03 năm 2015, từ trang 5 đến trang 23 bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bia và Nước Giải Khát Hạ Long tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



**Cát Thị Hà**  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số : 0725-2013-002-1  
Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2015



**Nguyễn Thị Thái**  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số : 1092-2013-002-1

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mã số TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
		VND	VND
<b>100 A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>27.235.451.030</b>	<b>20.295.014.106</b>
110 I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	5.834.000.218	2.295.019.482
111 1. Tiền		2.134.000.218	2.295.019.482
112 2. Các khoản tương đương tiền		3.700.000.000	-
130 III. Các khoản phải thu ngắn hạn		4.775.028.315	1.133.299.522
132 2. Trả trước cho người bán		512.300.000	629.018.108
135 5. Các khoản phải thu khác	4	4.262.728.315	504.281.414
140 IV. Hàng tồn kho	5	15.504.869.085	15.813.241.829
141 1. Hàng tồn kho		15.504.869.085	15.813.241.829
150 V. Tài sản ngắn hạn khác		1.121.553.412	1.053.453.273
151 1. Chi phí trả trước ngắn hạn		346.400.061	329.480.973
158 5. Tài sản ngắn hạn khác	6	775.153.351	723.972.300
<b>200 B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>108.048.867.759</b>	<b>135.028.297.453</b>
220 II. Tài sản cố định		100.690.753.908	124.784.502.955
221 1. Tài sản cố định hữu hình	7	100.229.281.726	120.578.120.972
222 - Nguyên giá		348.708.480.442	347.387.796.615
223 - Giá trị hao mòn lũy kế		(248.479.198.716)	(226.809.675.643)
227 3. Tài sản cố định vô hình	8	420.000.000	420.000.000
228 - Nguyên giá		926.400.000	926.400.000
229 - Giá trị hao mòn lũy kế		(506.400.000)	(506.400.000)
230 4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9	41.472.182	3.786.381.983
260 V. Tài sản dài hạn khác		7.358.113.851	10.243.794.498
261 1. Chi phí trả trước dài hạn	10	7.358.113.851	10.243.794.498
<b>270 TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>135.284.318.789</b>	<b>155.323.311.559</b>



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

(tiếp theo)

Mã số NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
		VND	VND
<b>300 A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>60.513.626.659</b>	<b>70.600.371.905</b>
<b>310 I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>39.220.031.659</b>	<b>50.875.820.555</b>
311 1. Vay và nợ ngắn hạn		-	6.791.591.350
312 2. Phải trả người bán		4.178.796.217	2.793.699.333
314 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	31.846.306.988	38.675.552.202
315 5. Phải trả người lao động		2.411.440.480	2.153.942.569
316 6. Chi phí phải trả	12	140.219.070	3.988.570
319 9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	13	628.395.644	546.811.777
323 11. Quỹ khen thưởng phúc lợi		14.873.260	(89.765.246)
<b>330 II. Nợ dài hạn</b>		<b>21.293.595.000</b>	<b>19.724.551.350</b>
333 3. Phải trả dài hạn khác	14	19.557.781.000	18.966.837.350
334 4. Vay và nợ dài hạn	15	1.735.814.000	757.714.000
<b>400 B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>74.544.834.876</b>	<b>84.522.939.654</b>
<b>410 I. Vốn chủ sở hữu</b>	16	<b>74.544.834.876</b>	<b>84.522.939.654</b>
411 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		30.000.000.000	30.000.000.000
412 2. Thặng dư vốn cổ phần		19.537.064.160	19.537.064.160
417 7. Quỹ đầu tư phát triển		19.516.094.970	30.016.094.970
418 8. Quỹ dự phòng tài chính		593.942.963	593.942.963
420 10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		4.897.732.783	4.375.837.561
<b>439 C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>		<b>225.857.254</b>	<b>200.000.000</b>
<b>440 TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>135.284.318.789</b>	<b>155.323.311.559</b>

Người lập biểu



Đào Thị Xuyên

Kế toán trưởng



Đào Thị Xuyên

Quảng Ninh, ngày 27 tháng 03 năm 2015

Giám đốc



Đặng Châu Long

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2014

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	198.358.419.615	182.055.687.505
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	18	54.066.864.786	49.976.746.547
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	144.291.554.829	132.078.940.958
11	4. Giá vốn hàng bán	20	102.003.175.341	96.436.579.623
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		42.288.379.488	35.642.361.335
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	317.930.368	425.587.000
22	7. Chi phí tài chính	22	329.751.671	1.539.671.965
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		329.751.671	1.539.671.965
24	8. Chi phí bán hàng	23	26.609.092.928	20.537.278.183
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	9.933.092.306	9.487.272.547
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		5.734.372.951	4.503.725.640
31	11. Thu nhập khác	25	1.742.748.048	1.961.833.188
32	12. Chi phí khác	26	1.011.823.759	625.795.127
40	13. Lợi nhuận khác		730.924.289	1.336.038.061
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		6.465.297.240	5.839.763.701
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27	1.541.707.203	1.459.940.925
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		4.923.590.037	4.379.822.776
61	18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số		25.857.254	3.985.215
62	18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ		4.897.732.783	4.375.837.561
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	28	1.633	1.459

Người lập biểu

Đào Thị Xuyên

Kế toán trưởng

Đào Thị Xuyên

Quảng Ninh, ngày 27 tháng 03 năm 2015



Đặng Châu Long



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2014

Theo phương pháp gián tiếp

Mã số CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
		VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế	6.465.297.240	5.839.763.701
	2. Điều chỉnh cho các khoản		
02	- Khấu hao tài sản cố định	7; 8; 22.833.850.922	23.272.705.420
05	- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	21; 22; 621.112.186	(589.223.364)
06	- Chi phí lãi vay	25; 26 329.751.671	1.539.671.965
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	22 30.250.012.019	30.062.917.722
09	- Tăng/giảm các khoản phải thu	61.124.593	324.506.168
10	- Tăng/giảm hàng tồn kho	308.372.744	(162.062.025)
11	- Tăng/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	(6.638.313.446)	4.084.948.140
12	- Tăng/giảm chi phí trả trước	2.868.761.559	(4.731.700.814)
13	- Tiền lãi vay đã trả	(329.751.671)	(1.673.455.238)
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(1.453.972.334)	(2.088.729.988)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	2.183.487.250	1.683.818.900
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(1.687.342.132)	(1.886.762.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	25.562.378.582	25.613.480.865
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(2.485.011.676)	(3.753.274.380)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	303.181.818	163.636.364
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	308.805.732	425.587.000
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(1.873.024.126)	(3.164.051.016)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	13.947.400.000	46.636.196.122
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay	(19.760.891.350)	(63.634.634.772)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(14.336.882.370)	(5.426.914.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(20.150.373.720)	(22.425.352.650)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	3.538.980.736	24.077.199
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	2.295.019.482	2.270.942.283
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3 5.834.000.218	2.295.019.482

Người lập biểu



Đào Thị Xuyên

Kế toán trưởng



Đào Thị Xuyên



Đặng Châu Long